

Số: 27 TM/TTYT

Hiệp Đức, ngày 16 tháng 01 năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi:

- Các công ty sản xuất, kinh doanh hóa chất trên toàn quốc.

Trung tâm y tế Hiệp Đức đang có nhu cầu mua Hóa chất phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh tại đơn vị quý tháng 1 năm 20234

TTYT Hiệp Đức đề nghị Quý công ty có các mặt hàng tham gia thầu báo giá các hóa chất với nội dung như sau:

1. Danh mục hàng hoá (theo phụ lục đính kèm)

2. Nơi nhận báo giá: **PHÒNG TC-HC và TC-KT TRUNG TÂM Y TẾ HIỆP ĐỨC**

- Hình thức báo giá: Qua email: truocketoanhd@gmail.com và bằng văn bản
- Địa chỉ: đường 121 Hùng Vương, khối phố An Đông, thị trấn Tân Bình, huyện Hiệp Đức – tỉnh Quảng Nam.

- Điện thoại: 02352215326.

3. Thời gian nhận báo giá: đến hết ngày 26/01/2024

4. Hồ sơ báo giá bao gồm:

- Hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế;

- Biểu chào giá (theo mẫu đính kèm);

- Ủy quyền bán hàng (nếu là công ty phân phối)

*** Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của các tài liệu mà nhà thầu cung cấp.**

5. Báo giá là căn cứ để xem xét lựa chọn nhà cung cấp Hóa chất cho Trung tâm y tế Hiệp Đức.

Các Công ty cung cấp gửi báo giá đến: Phòng TC-HC và TC-KT Trung tâm Y tế huyện Hiệp Đức; Số 121 Hùng Vương, thị trấn Tân Bình, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam. SĐT: 0235.3.883.217 và file mềm gửi về địa chỉ: truocketoanhd@gmail.com và khoaduocbvhd@gmail.com trước ngày 26 /01/2024. Tiêu đề: Báo giá hóa chất của công ty.....

Mọi chi tiết xin liên hệ Khoa dược, TTYT huyện Hiệp Đức; DS Vương: 0343.317.615

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Ban GD;
- Các nhà thầu;
- Lưu VT, khoa dược.



GIÁM ĐỐC

BS. Hồ Văn Nhị

Mẫu yêu cầu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

YÊU CẦU BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế Hiệp Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Hoá chất phục vụ khám chữa bệnh cho quý I năm 2024 [ghi rõ tên gói thầu, tên dự án, dự toán mua sắm] với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: TRUNG TÂM Y TẾ HIỆP ĐỨC, 121 Hùng vương, Khối phố An Đông, Thị trấn Tân Bình, Hiệp Đức, Quảng Nam.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: PHẠM VĂN TRƯỚC- Phó TP Tổ chức-Hành chính và Tài chính-Kế toán; số điện thoại: 0905842145; Địa chỉ Email: truocketoanhđ@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại địa chỉ: PHẠM VĂN TRƯỚC- PTP Tổ chức-Hành chính và Tài chính-Kế toán; số điện thoại: 0905842145. 121 Hùng vương, Khối phố An Đông, Thị trấn Tân Bình, Hiệp Đức, Quảng Nam. Và qua email: truocketoanhđ@gmail.com

Ghi rõ cách tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ:... [ghi cụ thể, chi tiết địa chỉ tiếp nhận báo giá].

- Nhận qua email: ... [ghi cụ thể email tiếp nhận báo giá].

- Nhận qua Fax: ... [ghi cụ thể số Fax tiếp nhận báo giá].

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h ngày 16 tháng 01 năm 2024 đến trước 17h ngày 26 tháng 01 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2024 [ghi ngày 26 tháng 01 năm 2024 kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục này].

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Creatinine kinase	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Creatinine kinase; phương pháp đo IFCC; Hạn sử dụng 12 tháng; dải đo 10 - 2000U/L; Thành phần thuốc thử R1: Imidazole, adenosine-di-phosphate(ADP) D-Glucose, Hexokinase (HK); nicotinamide adenine dinucleotide phosphate (NADP); Glucose-6-phosphate dehydrogenase (G6PDH) R2: Phosphocreatine; Tiêu chuẩn kỹ thuật EN ISO 13485:2016	1	Hộp

2	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Creatinine kinase - MB	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Creatinine kinase - MB; phương pháp đo IFCC; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 1 ~ 2000U/L; Thành phần thuốc thử R1: Hexokinase; Glucose-6-phosphate dehydrogenase (G6PDH); CK-MM antibody R2: Creatine phosphate; Tiêu chuẩn kỹ thuật EN ISO 13485:2016	1	Hộp
3	Huyết thanh mẫu dùng làm nội kiểm chuẩn được điều chế từ huyết thanh người ổn định hóa và đông khô	Huyết thanh mẫu dùng làm nội kiểm chuẩn được điều chế từ huyết thanh người ổn định hóa và đông khô. Có giá trị đo cho các xét nghiệm hóa sinh so màu, bộ mỡ(bao gồm HDL/LDL/TG/TC), CK/CKMB; chất vi lượng (Calcium, Sắt, Liti, Magie, Phospho, Na, Kẽm, Clo, Đồng, Kali,...); Bộ gan mật (AST; ALT; LDH; GGT; ALP; Direct Bilirubin; Total Bilirubin); thận (URE; Creatinine); Amylase (Total. Tụy); Total Protein; Albumin; TBA; UIBC và một số theo dõi thuốc như Digoxin, Theophylline	1	Hộp
4	Huyết thanh mẫu dùng làm nội kiểm chuẩn được điều chế từ huyết thanh người ổn định hóa và đông khô	Huyết thanh mẫu dùng làm nội kiểm chuẩn được điều chế từ huyết thanh người ổn định hóa và đông khô. Có giá trị đo cho các xét nghiệm hóa sinh so màu, bộ mỡ(bao gồm HDL/LDL/TG/TC), CK/CKMB; chất vi lượng (Calcium, Sắt, Liti, Magie, Phospho, Na, Kẽm, Clo, Đồng, Kali,...); Bộ gan mật (AST; ALT; LDH; GGT; ALP; Direct Bilirubin; Total Bilirubin); thận (URE; Creatinine); Amylase (Total. Tụy); Total Protein; Albumin; TBA; UIBC và một số theo dõi thuốc như Digoxin, Theophylline	1	Hộp
5	Hóa chất dùng tạo đường chuẩn cho các xét nghiệm thường quy:	Hóa chất dùng tạo đường chuẩn cho các xét nghiệm thường quy: Đường (Glucose), Gan (AST; ALT; GGT); Thận (Urea, Creatinine), Nội tiết (Amylase); Tim mạch (CK-MB); Tổn thương tế bào (CK;LDH); Mật (Bile Acid); Trao đổi chất (Protein; ALB; Acid Uric);. Được điều chế từ huyết thanh người ổn định và đông khô. Có giá trị đo cho các xét nghiệm hóa sinh so màu		Hộp
6	CRP latex		1	Hộp
7	RF latex		1	Hộp
8	Xác định chỉ số ASO LATEX.	Xác định chỉ số ASO LATEX. Slide agglutination bằng phương pháp ngưng kết tìm Anti-Streptolysin O.	1	Hộp
9	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Glucose trong huyết tương và huyết thanh	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Glucose trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: GOD-PAP Method - Thành phần: [RGT] Enzyme reagent Phosphate buffer (pH 7.5) 100 mmol/l 4-Aminoantipyrine 0.25 mmol/l Phenol 0.75 mmol/l Glucose oxidase ≥ 15 KU/l Peroxidase ≥ 1.5 KU/l Mutarotase > 0.1 KU/l Sodium azide 0.095 % [STD] Standard Glucose 100 mg/dl or 5.55 mmol/l - Độ ổn định: 2 tuần ở 15-25°C - Đóng gói: [RGT] 4 x 100 ml ; [STD] 1 x 3 ml - TCCL: CE, ISO 13485	3	Hộp

10	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng alpha Amylase trong huyết tương và huyết thanh	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng alpha Amylase trong huyết tương và huyết thanh Phương Pháp: CNPG3 Thành phần: [RGT] Reagent Solution MES buffer (pH 6.0) 36 mmol/l CNPG3 1.6 mmol/l Calcium acetate 3.6 mmol/l Sodium chloride 37 mmol/l Potassium thiocyanate 253 mmol/l Sodium azide 0.095 % Độ bền: 12 tuần ở 2-8°C và 4 tuần ở 15-25°C Đóng gói: 12x10ml TCCL: CE, ISO 13485	1	Hộp
11	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng uric acid trong huyết tương và huyết thanh	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng uric acid trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: PAP-Method - Thành phần: RGT] Enzyme reagent Phosphate buffer (pH 7.5) 50 mmol/l 4-Aminophenazone 0.3 mmol/l DCHBS 4 mmol/l Uricase ≥ 200 U/l Peroxidase ≥ 1000 U/l [STD] Standard Uric acid 8 mg/dl or 476 μmol/l Sodium azide 0.095 % - Độ ổn định: 2 tuần ở 15-25°C - Đóng gói: [RGT] 4 x 30 ml Enzyme reagent [STD] 3 ml Standard - TCCL: CE, ISO 13485	2	Hộp
12	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Ure trong huyết tương và huyết thanh	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Ure trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: Thủy phân Ure, Berthelot reaction - Thành phần: [RGT1] Reagent 1 Phosphate buffer (pH 7.0): 120 mmol/l Sodium salicylate: 60 mmol/l Sodium nitroprusside: 5 mmol/l EDTA: 1 mmol/l [RGT2] Reagent 2 Phosphate buffer (pH < 13): 120 mmol/l Hypochlorite: ≈ 0.6 g/l Cl [ENZ] Enzyme Urease: > 500 KU/l [STD] Standard Urea: 80 mg/dl or 13.3 mmol/l equivalent to BUN: 37.28 mg/dl or 6.2 mmol/l Sodium azide: 0.095 % - Độ ổn định: + [RGT1], [RGT2], [ENZ]: 6 tuần ở 2-8°C hoặc 2 tuần ở 15-25°C + [STD]: 4 tuần ở 2 - 8°C hoặc 2 tuần ở 15-25°C - Đóng gói: RGT1] 100 ml ; [RGT2] 100 ml ; [ENZ] 1 ml ; [STD] 3 ml - TCCL: CE, ISO 13485	2	Hộp

13	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Creatinine trong huyết tương và huyết thanh	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Creatinine trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: Jaffé-Reaction - Thành phần: [PIC] Picric Acid 26 mmol/l [NaOH] Sodium Hydroxide 1.6 mol/l [STD]Standard: Creatinine 2 mg/dl or 176.8 μmol/l - Ổn định: 4 tuần ở 15-25°C - Đóng gói: [PIC] 1 x 100 ml Picric Acid [NaOH] 1 x 100 ml Sodium Hydroxide [STD] 1 x 5 ml Standard - TCCL: CE, ISO 13485	4	Hộp
14	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán viêm gan B	- Định tính kháng nguyên HBs trong huyết thanh hoặc huyết tương người - Độ nhạy tương đối: 98.68 %,Độ đặc hiệu tương đối: 99.8 % so với phương pháp thử nghiệm Elisa - Cộng hợp vàng: Kháng thể đơn dòng kháng HBs (chuột) - keo vàng: $1.0 \pm 0.2 \mu$g; Không phản ứng chéo với các virus HIV, HCV, Dengue NS1, Syphilis, mẫu bệnh phẩm phụ nữ có thai, yếu tố viêm khớp dạng thấp. - Giới hạn phát hiện: 2.0 ng/ml - Khay thử ổn định ít nhất 6 tuần sau khi mở túi nhôm nếu được lưu trữ ở trong túi nilon dán kín, khay thử ổn định ít nhất 6 tuần ở nhiệt độ phòng và tối đa không quá 55°C khi được bảo quản ở điều kiện ban đầu và không mở ra - Giấy phép lưu hành Bộ Y Tế - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CFS, KGMP - Bảng dữ liệu an toàn sinh học (MSDS) do TURKAK, IAF chứng nhận - Quy cách: hộp 25 test.	200	Test
15	Panel thử xét nghiệm định tính phát hiện các chất gây nghiện	Test thử nhanh phát hiện 5 chất ma túy (MOP/AMP/MET/KET/THC) Thương hiệu: Ezitell - MOP: Ngưỡng cut-off: 300 ng/ml; Dương tính : MOP > 300 ng/ml; Âm tính : MOP < 300 ng/ml. Độ nhạy: 99,9%. Độ đặc hiệu: 99,9% - AMP: Ngưỡng cut-off: 500 ng/ml. Dương tính: AMP $\geq$500ng/ml). Âm tính: AMP < 500ng / ml). Độ nhạy: 99,9%. Độ đặc hiệu: 99,9% - MET: Ngưỡng cut-off: 500 ng/ml; Dương tính: MET$\geq$500ng/ml); Âm tính: MET < 500ng / ml). Độ nhạy: 99,9%. Độ đặc hiệu: 99,9% - KET: Ngưỡng cut-off: 1000 ng/ml; Dương tính: KET$\geq$1000ng/ml); Âm tính: KET < 1000ng / ml). Độ nhạy: 97,5%. Độ đặc hiệu: 98,2% - THC: Ngưỡng cut-off: 50 ng/ml; Dương tính: THC$\geq$50ng/ml); Âm tính: THC < 50ng / ml). Độ nhạy: 99,9%. Độ đặc hiệu: 99,9% Đạt chứng nhận ISO 13485, ISO 9001, GMP, CE	100	Test

16	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng H.pylori	Định tính kháng thể anti-H.pylori trong huyết thanh hay huyết tương ở người Kháng nguyên Helicobacter pylori tinh khiết cao – vàng cộng hợp ($1.0 \pm 0.2 \mu\text{g}$) - Vạch thử: Kháng nguyên Helicobacter pylori tinh khiết cao ($1.0 \pm 0.2 \mu\text{g}$) - Vạch chứng: Chất bắt giữ vàng ($1.5 \pm 0.3 \mu\text{g}$) * Một ống dung dịch đệm chứa: - Đệm Tris – HCl 50 mM (4 mL) - Chất hoạt động bề mặt (40 mg) - Natri azid (40 mg) - Dạng khay - Độ nhạy tương đối: 95.4%, độ đặc hiệu tương đối: 91%. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CFS, KGMP - Bảng dữ liệu an toàn sinh học do TURKAK, IAF chứng nhận	100	Test
17	Dung dịch chạy chuẩn máy huyết học bệnh mức bệnh cao	Dung dịch chạy chuẩn máy huyết học bệnh mức bệnh cao	1	Hộp
18	Dung dịch chạy chuẩn máy huyết học mức bệnh lý thấp	Dung dịch chạy chuẩn máy huyết học mức bệnh lý thấp	1	Hộp
19	Dung dịch chạy chuẩn máy huyết học mức bình thường	Dung dịch chạy chuẩn máy huyết học mức bình thường	1	Hộp
20	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế	Thành phần: Ortho-Phthalaldehyde $\geq 0,50\%$ ISO 13485, CFS .	4	Hộp
21	Gel siêu âm		5	Hộp

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Mô tả cụ thể tại Khoa dược Trung tâm y tế Hiệp Đức, 121 Hùng vương, Khối phố An Đông, Thị trấn Tân Bình, Hiệp Đức, Quảng Nam. [ghi rõ dẫn chiếu] trong Bảng mô tả đính kèm theo, trong đó phải ghi rõ yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Ghi theo thời gian dự kiến giao hàng, phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Ghi rõ tỷ lệ tạm ứng, thanh toán hợp đồng và các điều kiện tạm ứng, thanh toán.

5. Các thông tin khác (nếu có).

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).

Ghi chú:

(1) Trường hợp đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Chủ đầu tư đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của chủ đầu tư, bên mời thầu để đăng tải Yêu cầu báo giá.

Việc 1 điền các thông tin trong Yêu cầu báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Yêu cầu báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Chủ đầu tư phải đính kèm theo file “Bảng mô tả”, trong đó phải nêu đầy đủ các thông tin để nhà thầu làm cơ sở báo giá như mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).

Trường hợp Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia triển khai được tính năng gửi và nhận yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (theo thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) thì hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư (không gửi báo giá theo các cách thức nêu tại khoản 3 Mục I của Mẫu này); sau thời hạn tiếp nhận báo giá, hãng sản xuất, nhà cung cấp không thể gửi được báo giá lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nội dung tại khoản 3 Mục I của Mẫu này được chỉnh sửa như sau:

“3. Cách thức tiếp nhận báo giá: hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Các báo giá gửi theo đường bưu điện, Fax, email hoặc các cách thức khác sẽ không được xem xét”.

Kết thúc thời hạn tiếp nhận báo giá, Chủ đầu tư đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của chủ đầu tư, bên mời thầu để lấy thông tin báo giá của các hãng sản xuất, nhà cung cấp.

(2) Thời gian tiếp nhận báo giá tối thiểu 10 ngày kể từ ngày đăng tải hoặc gửi yêu cầu báo giá. Ngày cuối cùng tiếp nhận báo giá không được trùng với ngày nghỉ làm việc theo quy định của pháp luật về lao động.

Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá

và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.